VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về công tác thi đua,
khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân

Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, bao gồm: tổ chức phát động phong trào thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng và Hội đồng sáng kiến các cấp; thẩm quyền quyết định khen thưởng; tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; cụm, khối thi đua và quỹ thi đua khen thưởng.

---

[1] Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Việc xét, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn, Hội Luật gia, Hội Cựu chiến binh thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan trung ương của các tổ chức trên và theo thẩm quyền của Viện trưởng kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tập thể, cá nhân đang công tác trong hệ thống cơ quan Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp, bao gồm:

a) Đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

c) Viện, phòng, ban, khoa và cấp tương đương của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp;

d) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã và đang công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân;

đ) Các tổ chức đoàn thể thuộc hệ thống Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

2. Tập thể, cá nhân ngoài ngành Kiểm sát nhân dân có đóng góp vào quá trình phát triển của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng.

2.[2] Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 2 và Điều 3 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 4. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Thi đua, khen thưởng.

2.[3] Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ và quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy địnhcủa Ngành; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.

2. Cản trở hoặc ép buộc cá nhân, tổ chức tham gia phong trào thi đua.

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật.

5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

6. Lợi dụng thi đua, khen thưởng để tố cáo, vu cáo không đúng sự thật.

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Chương II
TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA; TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG; XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Mục 1
TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động nhằm thực hiện tốt công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Thi đua theo đợt (theo chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị.

Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1.[4] Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch; bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Ngành, của địa phương, đơn vị để đề ra phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

---

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công việc, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua phù hợp, đa dạng hóa các hình thức phát động thi đua. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của cá nhân; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3.[5] Triển khai các biện pháp tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia thi đua, thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thi đua; chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và đề ra các giải pháp để thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua trong thời gian tiếp theo.

4.[6] Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Đối với phong trào thi đua có thời gian dài phải chú trọng công tác chỉ đạo điểm, hướng dẫn, kiểm tra và phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

Điều 8. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong toàn ngành Kiểm sát nhân dân.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có trách nhiệm:

a) Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; trực tiếp chỉ đạo, tổ chức phát động, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua tại cơ quan, đơn vị mình;

b) Chủ động phát hiện, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua; tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được tặng thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Chiến sỹ thi đua toàn quốc được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả;

c) Đề xuất các kiến nghị, giải pháp để thực hiện tốt các quy định của pháp luật, của Ngành về thi đua, khen thưởng.

3. Các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp căn cứ phong trào thi đua do cấp trên phát động, có kế hoạch xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, chỉ tiêu, khẩu hiệu và biện pháp tổ chức thực hiện phong trào thi đua tại đơn vị mình.

4. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội thuộc các đơn vị trong Ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan, đơn vị để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, kiến nghị, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Vụ Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp Ban cán sự đảng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân trong việc:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn ngành Kiểm sát nhân dân;

b) Xây dựng kế hoạch về công tác thi đua, khen thưởng hằng năm và kế hoạch tuyên truyền về tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; về tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời;

c) Tổ chức phát động các phong trào thi đua, đề xuất các chủ trương trong công tác thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong Ngành; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng;

d) Quản lý, theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị trong toàn Ngành; giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng;

đ) Sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và đề nghị khen thưởng; kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân về kết quả thẩm định, đề xuất khen thưởng.

2. Bộ phận được phân công làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có trách nhiệm tham mưu, đề xuất giúp cấp ủy Đảng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc:

a) Quản lý công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị mình;

b) Đề ra chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện các phong trào thi đua do cấp trên hoặc địa phương phát động;

c) Sơ kết, tổng kết, thông báo kết quả các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt;

d) Khen thưởng và đề nghị khen thưởng; kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các đơn vị trong toàn Ngành chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về hồ sơ đề nghị khen thưởng của cấp mình.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan thông tin, tuyên truyền

Tạp chí kiểm sát, Báo Bảo vệ pháp luật, Truyền hình Kiểm sát nhân dân, Trang thông tin điện tử của Ngành, của Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có trách nhiệm phản ánh trung thực kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hiện tượng tiêu cực trong thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Tổ chức thi đua theo cụm, khối

1. Việc tổ chức phong trào thi đua và xét đề nghị khen thưởng hằng năm được tiến hành theo cụm, khối thi đua. Căn cứ đặc điểm về vị trí địa lý, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, phạm vi hoạt động của các địa phương, đơn vị, cụm, khối thi đua được tổ chức như sau:

a) Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chia thành 11 cụm thi đua sau đây:

- Cụm 1 gồm các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh;

- Cụm 2 gồm Viện kiểm sát nhân dân các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh;

- Cụm 3 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Quảng Ninh, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng và Lạng Sơn;

- Cụm 4 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Hòa Bình, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang và Yên Bái;

- Cụm 5 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình và Ninh Bình;

- Cụm 6 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế;

- Cụm 7 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng và Đắk Nông;

- Cụm 8 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Ninh Thuận;

- Cụm 9 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh và Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Cụm 10 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và Đồng Tháp;

- Cụm 11 gồm Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh: Hậu Giang , Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang và Cà Mau.

b) Đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự được chia thành 05 khối thi đua sau đây:

- Khối 1 gồm: Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án an ninh (Vụ 1), Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án trật tự xã hội (Vụ 2), Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án kinh tế (Vụ 3), Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án ma túy (Vụ 4), Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án tham nhũng, chức vụ (Vụ 5), Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp (Vụ 6), Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Cục 1);

- Khối 2 gồm: Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử hình sự (Vụ 7), Vụ Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (Vụ 8), Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình (Vụ 9), Vụ Kiểm sát việc

giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (Vụ 10); Vụ Kiểm sát thi hành án dân sự (Vụ 11), Vụ Kiểm sát và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp (Vụ 12), Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự (Vụ 13);

- Khối 3 gồm: Văn phòng (VP), Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học (Vụ 14), Vụ Tổ chức cán bộ (Vụ 15), Vụ Thi đua - Khen thưởng (Vụ 16), Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Cục 2), Cục Kế hoạch - Tài chính (Cục 3), Thanh tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao (T1);

- Khối 4 gồm: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (T2), Trường Đào tạo, Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại thành phố Hồ Chí Minh (T3); Tạp chí Kiểm sát (T4), Báo Bảo vệ Pháp luật (T5);

- Khối 5 gồm: Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương.

2. Việc chia cụm, khối thi đua đối với đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Các cụm, khối thi đua phân công luân phiên mỗi năm một đơn vị làm cụm trưởng, khối trưởng để điều hành các hoạt động của cụm, khối, trừ đơn vị không được xét thi đua của năm trước liền kề.

4. Kết quả bình xét tại cụm, khối thi đua là một trong những căn cứ để Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành thẩm định, đề xuất, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân xem xét, đề nghị khen thưởng hằng năm.

Điều 12. Nhiệm vụ của cụm trưởng, khối trưởng

1. Xây dựng kế hoạch, tổ chức ký kết giao ước thi đua để thực hiện phong trào thi đua do Nhà nước, do Ngành phát động; đề ra biện pháp tổ chức thực hiện phong trào thi đua. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hằng năm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phong trào thi đua trong năm tiếp theo.

2. Tổ chức giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, các điển hình tiên tiến trong cụm, khối thi đua.

3.[7] Tổ chức bình chọn, suy tôn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu cụm, khối thi đua để đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân". Bình chọn tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong cụm, khối thi đua khi tham gia phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do ngành Kiểm sát nhân dân tổ chức để đề nghị tặng "Bằng khen" của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Mục 2
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 13. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

a) Lao động tiên tiến;

b) Chiến sỹ thi đua cơ sở;

c) Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân;

d) Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

a) Tập thể lao động tiên tiến;

b) Tập thể lao động xuất sắc;

c) Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân;

d) Cờ thi đua của Chính phủ.

Điều 14. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

---

[7] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; các quy trình và chế độ công tác; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

b) Có tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Những trường hợp sau đây vẫn được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến":

a) Cá nhân nghỉ chế độ thai sản theo quy định;

b) Cá nhân bị thương khi làm nhiệm vụ phải nghỉ việc để điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế cấp huyện trở lên;

c) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến". Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Cá nhân chuyển đơn vị công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến"; nếu thời gian công tác tại đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của đơn vị cũ;

Cá nhân được điều động, biệt phái đến đơn vị mới trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" do đơn vị cũ xem xét, quyết định và được đơn vị mới xác nhận.

3. Những trường hợp không được xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến":

a) Cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

b) Cá nhân bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

4[8]. (được bãi bỏ).

Điều 15. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở"

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

b)[9] Có sáng kiến để tăng hiệu quả công tác được cơ quan, đơn vị công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học, đề án, chuyên đề đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, đơn vị hoặc đã được ngành Kiểm sát nhân dân tặng bằng khen, giấy khen do có thành tích xuất sắc đột xuất trong năm công tác và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Khi xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" cho cá nhân là Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởngViện kiểm sát nhân dân cấp cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, ngoài những tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị do cá nhân đó phụ trách phải đạt danh hiệu thi đua từ "Tập thể lao động xuất sắc" trở lên.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến". Số lượng lãnh đạo mỗi cấp được xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" không quá 50% tổng số lãnh đạo cấp mình.

4. Việc xét, công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" đối với cá nhân thuộc hệ thống Viện kiểm sát quân sự thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

---

[8] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

[9] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Điều 16. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân"

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong số cá nhân đạt các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có 3 năm liên tục đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, công nhận hoặc có đề án, chuyên đề đã được nghiệm thu, áp dụng trong thực tiễn;

c) Có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân từ 90% trở lên.

2. Ưu tiên lựa chọn cá nhân được khen thưởng cấp nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) hoặc được tặng từ 02 Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trở lên về thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác.

Điều 17. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số cá nhân đạt các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có 02 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân";

b) Có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học được áp dụng đem lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn Ngành được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, công nhận hoặc có đề tài, công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước đã nghiệm thu được áp dụng;

c) Có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân từ 90% trở lên.

2. Danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" được xét tặng vào năm liền kề với năm đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân" lần thứ hai.

Điều 18. Tập thể lao động tiên tiến

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" được xét, tặng cho tập thể khi đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định của Ngành; nội bộ đoàn kết, tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

d) Có từ 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến"; không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Không xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" đối với đơn vị mới thành lập tính đến thời điểm tổng kết thi đua chưa đủ 10 tháng hoạt động.

Điều 19. Tập thể lao động xuất sắc

1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được xét, tặng cho tập thể được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó, hoàn thànhxuất sắc nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

c) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" được công nhận không quá 1/3 tổng số tập thể được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" của đơn vị.

Điều 20. Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân

1. "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân" được xét, tặng cho tập thể được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc".

2. Danh hiệu "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân" được xét tặng cho đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh khi đạt các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các địa phương, đơn vị khác trong Ngành học tập;

c) Tích cực trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

d) Có tỷ lệ phiếu đồng ý của các thành viên trong cụm, khối thi đua đạt từ 80% trở lên.

3. Danh hiệu "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân" để tặng cho các Viện, Phòng, Ban, Khoa và cấp tương đương của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân các cấp (gọi là Cờ thi đua dẫn đầu khối) khi đạt các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc địa phương, đơn vị mình học tập;

c) Có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đề nghị đạt từ 80% trở lên.

4. Số lượng "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân" quy định như sau:

a) Đối với các tập thể nêu tại khoản 2 Điều này: mỗi cụm thi đua được đề nghị xét, tặng không quá 04 cờ; mỗi khối thi đua được đề nghị xét, tặng không quá 03 cờ;

Trường hợp cụm, khối thi đua đề nghị vượt quá số lượng cờ theoquy định trên, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định;

b) Đối với các tập thể quy định tại khoản 3 Điều này: số lượng cờ đề nghị hằng năm không quá 1/2 tổng số tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" của địa phương, đơn vị.

5. Đối với hệ thống Viện kiểm sát quân sự: Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân được xét tặng cho tập thể được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Đơn vị quyết thắng". Số lượng cờ được xét, tặng theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 21. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các tập thể quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Đạt tiêu chuẩn "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân";

b) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn Ngành;

c) Đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Số lượng "Cờ thi đua của Chính phủ":

a) Mỗi cụm, khối thi đua lựa chọn không quá 02 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc để đề nghị xét tặng "Cờ thi đua của Chính phủ";

b) Căn cứ số lượng "Cờ thi đua của Chính phủ" đã đăng ký đầu năm với Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thẩm định, báo cáo, đề xuất với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân xét chọn, đề nghị tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" cho các tập thể tiêu biểu, xuất sắc nhất.

Mục 3
HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 22. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc có công lao đóng góp vào sự phát triển của ngành Kiểm sát nhân dân.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (theo chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Nhà nước, Ngành hoặc cơ quan, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân đó phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc trong lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong Ngành, có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng, có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc và của Ngành.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự phát triển của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 23. Hình thức khen thưởng

1. Huân, Huy chương gồm:

a) Huân chương Sao vàng;

b) Huân chương Hồ Chí Minh;

c) Huân chương Độc lập hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;

d) Huân chương Lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;

đ) Huân chương Chiến công hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;

e) Huân chương Dũng cảm;

g) Huân chương Hữu nghị;

h) Huy chương Hữu nghị.

2. Danh hiệu vinh dự nhà nước gồm:

a) Anh hùng Lao động;

b) Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú;

3. Bằng khen, Giấy khen.

Điều 24. Tiêu chuẩn Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước

1. "Huân chương Sao vàng" để tặng cho tập thể hoặc để tặng, truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 34 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 14 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. "Huân chương Hồ Chí Minh" để tặng cho tập thể hoặc để tặng, truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 15 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

3. "Huân chương Độc lập" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng cho tập thể hoặc để tặng, truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 36, 37, 38 Luật Thi đua, khen thưởng; các Điều 16, 17, 18 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. "Huân chương Lao động" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng cho tập thể hoặc để tặng, truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 42, 43, 44 Luật Thi đua, khen thưởng; các Điều 22, 23, 24 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

5. "Huân chương Chiến công" hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng cho tập thể hoặc tặng, truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 48 Luật Thi đua, khen thưởng; các Điều 28, 29, 30 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

6. "Huân chương Dũng cảm" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 50 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 32 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

7. "Huân chương hữu nghị" để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tập thể người nước ngoài đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 51 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 33 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

8. "Huy chương hữu nghị" để tặng cho người nước ngoài đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 57 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 36 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

9. Danh hiệu "Anh hùng Lao động" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 61 Luật Thi đua, khen thưởng.

10. Danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú" để tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 62 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 25. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trung ương hoặc do ngành Kiểm sát nhân dân phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 3 năm trở lên;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân;

c) Đã được tặng Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (trừ Bằng khen được tặng qua các phong trào thi đua theo đợt) và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 5 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trung ương hoặc do ngành Kiểm sát nhân dân phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 3 năm trở lên;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong toàn ngành Kiểm sát nhân dân;

c) Đã được tặng Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (trừ Bằng khen được tặng qua các phong trào thi đua theo đợt) và 5 năm tiếp theo trở lên liên tục đạt danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", trong thời gian đó có ít nhất 01 lần được tặng "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân" hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (trừ Bằng khen được tặng qua các phong trào thi đua theo đợt).

Điều 26. Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do ngành Kiểm sát nhân dân, do các tổ chức đoàn thể phát động hằng năm;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng đến một hoặc nhiều lĩnh vực của Ngành;

c) Hai năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở;

d) Hai năm trở lên liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

đ) Đã được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", năm tiếp theo trở lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trong năm đó có 01 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở, hoặc ngược lại;

e) Đạt danh hiệu "Kiểm sát viên giỏi", "Điều tra viên giỏi", "Kiểm sát viên tiêu biểu", "Điều tra viên tiêu biểu" qua các cuộc thi do ngành Kiểm sát nhân dân tổ chức.

2. Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, các tổ chức đoàn thể trong sạch vững mạnh, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do ngành Kiểm sát nhân dân, do các tổ chức đoàn thể phát động hằng năm;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng đến một hoặc nhiều lĩnh vực của Ngành;

c) Hai năm trở lên liên tục đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc";

d) Hai năm trở lên liên tục được tặng Cờ thi đua;

đ) Đã được tặng Cờ thi đua, năm tiếp theo trở lên được công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hoặc ngược lại.

e)[10] Được bình chọn có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong cụm, khối thi đua khi tham gia phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do ngành Kiểm sát nhân dân tổ chức."

---

[10] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

3. Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tặng cho tập thể, cá nhân ngoài ngành Kiểm sát nhân dân có đóng góp vào quá trình phát triển của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 27. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đoàn thể phát động hằng năm;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, các tổ chức đoàn thể trong sạch, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đoàn thể phát động hằng năm;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc tặng thưởng giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo đợt (theo chuyên đề), hoặc hoàn thành một công việc và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Mục 4
KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 28. Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm sát" là hình thức khen thưởng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, được tặng một lần cho cá nhân đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 30 của Thông tư này nhằm ghi nhận đóng góp tích cực của cá nhân vào quá trình phát triển của ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Kỷ niệm chương có nội dung, kiểu dáng, kích cỡ, màu sắc thể hiện đặc trưng của ngành Kiểm sát, phù hợp với quy định của Nhà nước.

3. Kỷ niệm chương được xét tặng hằng năm cho mỗi cá nhân vào dịp kỷ niệm ngày truyền thống của ngành Kiểm sát nhân dân (26/7).

Điều 29. Đối tượng được tặng Kỷ niệm chương

1. Đối tượng được xét tặng Kỷ niệm chương bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân;

b) Những người ngoài ngành Kiểm sát nhân dân có công lao đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Cá nhân đã được tặng Huy chương "Vì sự nghiệp bảo vệ pháp chế" hoặc Kỷ niệm chương "Bảo vệ pháp chế" không thuộc diện được xét tặng Kỷ niệm chương theo Thông tư này.

Điều 30. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương

1. Cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Thông tư này có thời gian công tác liên tục đủ 15 năm và hoàn thành nhiệm vụ được giao thì được tặng Kỷ niệm chương. Trường hợp được cử đi biệt phái, đi học hoặc tham gia nghĩa vụ quân sự, sau đó tiếp tục công tác thì thời gian đi biệt phái, đi học hoặc tham gia nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác trong Ngành để xét tặng Kỷ niệm chương.

Đối với cá nhân đã làm công tác pháp luật ở ngành khác chuyển sang công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân thì thời gian làm công tác pháp luật trong ngành khác được tính vào thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương, nhưng phải có ít nhất 05 năm công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Đối với cán bộ lãnh đạo:

a) Cán bộ có 08 năm liên tục giữ chức vụ lãnh đạo đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, lãnh đạo Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu và tương đương trở lên;

b) Cán bộ có thời gian công tác 10 năm trong ngành Kiểm sát nhân dân, trong đó có 08 năm giữ chức vụ lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, cấp phòng và tương đương, lãnh đạo Viện kiểm sát quân sự khu vực.

3. Các trường hợp sau đây không tính thâm niên công tác khi xét, tặng Kỷ niệm chương:

a) Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Cá nhân trong Ngành được phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động", được tặng thưởng Huân chương Lao động từ hạng ba trở lên.

4. Các trường hợp sau đây được xét tặng Kỷ niệm chương trước thời hạn:

a) Cá nhân được phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" được xét tặng Kỷ niệm chương trước niên hạn 02 năm;

b) Cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc được công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân" được xét tặng Kỷ niệm chương trước niên hạn 01 năm.

5. Cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 của Thông tư này, nếu bị kỷ luật từ hình thức "khiển trách" trở lên (trừ trường hợp bị buộc thôi việc) thì thời hạn xét tặng Kỷ niệm chương kéo dài thêm 01 năm.

6. Cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 của Thông tư này có đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của ngành Kiểm sát nhân dân, được lãnh đạo đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp ghi nhận.

Điều 31. Đối tượng chưa xét, không tặng Kỷ niệm chương

1. Đối tượng chưa xét tặng Kỷ niệm chương:

a) Cá nhân đang trong thời gian thi hành kỷ luật;

b) Cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại tố cáo đang được xác minh, làm rõ.

2. Đối tượng không tặng Kỷ niệm chương:

a) Cá nhân bị buộc thôi việc;

b) Cá nhân bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương III
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 32. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân

1.[11] Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn ngành Kiểm sát nhân dân và giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đánh giá phạm vi ảnh hưởng đối với thành tích của tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;

c) Ủy viên thường trực là Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

d) Ủy viên gồm: Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Chánh Thanh tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học; Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính; Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát điều tra án trật tự xã hội; Vụ trưởng Vụ Thực hành quyền công tố và Kiểm sát xét xử hình sự; Vụ trưởng Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình; Vụ trưởng Vụ Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự; Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự; Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin; Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

đ) Thư ký Hội đồng là Trưởng phòng Tham mưu - Tổng hợp thuộc Vụ Thi đua - Khen thưởng.

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân;

d) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4.[12] Vụ Thi đua - Khen thưởng là thường trực của Hội đồng, có trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự. Chủ tịch Hội đồng chủ trì hội nghị hoặc ủy quyền cho 01 Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thực hiện bỏ phiếu như các thành viên khác.

b) Xin ý kiến các thành viên vắng mặt bằng văn bản, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

c) Hoàn thiện biên bản họp Hội đồng và hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 33. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng;

c) Ủy viên Hội đồng gồm: Chủ tịch Công đoàn cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Thanh tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin, Đại diện Thường vụ Đảng ủy cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bí thư Đoàn thanh niên cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

d) Thư ký Hội đồng là Trưởng phòng Tham mưu - Tổng hợp thuộc Vụ Thi đua - Khen thưởng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

c) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong cơ quan Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

d) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng là thường trực của Hội đồng.

Điều 34. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Viện trưởng. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định;

c) Ngoài Ủy viên Hội đồng là Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ và Chủ tịch Công đoàn, các Ủy viên khác và Thư ký Hội đồng do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong cơ quan;

c) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong cơ quan;

d) Tham mưu cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Bộ phận chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng hoặc Phòng Thi đua - Khen thưởng (nếu có) là thường trực của Hội đồng.

Điều 35. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó thủ trưởng đơn vị. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng do Thủ trưởng đơn vị quyết định;

c) Ủy viên Hội đồng và Thư ký Hội đồng do Thủ trưởng đơn vị quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong đơn vị;

c) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong đơn vị;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Tham mưu - Tổng hợp là bộ phận thường trực của Hội đồng.

Điều 36. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng nhà trường

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng nhà trường tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Hiệu trưởng. Số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định;

c) Các Ủy viên Hội đồng và Thư ký Hội đồng do Hiệu trưởng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng:

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong nhà trường;

c) Tham mưu cho Hiệu trưởng kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong nhà trường;

d) Tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Tổ chức - Hành chính là thường trực của Hội đồng.

Điều 37. Hội đồng sáng kiến các cấp

1. Hội đồng sáng kiến ngành Kiểm sát nhân dân do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định thành lập, có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả ứng dụng của sáng kiến làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Ngành.

Thành phần Hội đồng sáng kiến ngành Kiểm sát nhân dân do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học và Vụ Tổ chức cán bộ.

2. Hội đồng sáng kiến của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân các cấp do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến nội dung sáng kiến và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp và đề nghị hình thức khen thưởng.

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 38. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua

1. Thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua trong ngành Kiểm sát nhân dân theo quy định tại Điều 79, Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng được thực hiện như sau:

a) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định tặng, công nhận các danh hiệu thi đua sau đây:

- "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân";

- Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho tập thể là đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và tập thể của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có tư cách pháp nhân;

- Công nhận danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" cho tập thể là đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; tập thể của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có tư cách pháp nhân;

- "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân";

- Công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" cho Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân cấp tỉnh và cá nhân của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có tư cách pháp nhân;

- Công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến" cho cá nhân của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có tư cách pháp nhân.

b) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có tư cách pháp nhân quyết định tặng, công nhận danh hiệu thi đua sau đây cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý:

- Công nhận "Tập thể lao động tiên tiến";

- "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến";

c) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có tư cách pháp nhân, Viện trưởng Viện

kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" cho tập thể thuộc quyền quản lý.

Điều 39. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định khen thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thẩm quyền quyết định khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân theo quy định tại Điều 79, Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng được thực hiện như sau:

a) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định tặng:

- Bằng khen;

- Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm sát";

b) Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng "Giấy khen".

Điều 40. Tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Nghi thức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước gồm "Cờ thi đua của Chính phủ", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", Huân chương các loại và giải thưởng vinh dự nhà nước, Vụ Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với đơn vị có tập thể, cá nhân được tặng thưởng lập kế hoạch tổ chức đón nhận trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và cấp ủy địa phương cho ý kiến trước khi tổ chức lễ trao tặng và đón nhận.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức trao tặng hoặc ủy quyền cho các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của mình.

Chương V
TUYẾN TRÌNH, HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 41. Tuyến trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp nào chủ trì phát động thi đua theo đợt (theo chuyên đề) thì cấp đó khen thưởng. Trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc có thể đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xét, đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng các hình thức khen thưởng cấp nhà nước.

4. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp khi đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc khen thưởng cấp Nhà nước nộp hồ sơ qua Vụ Thi đua - Khen thưởng để thẩm định, trình xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân trước khi trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

5. Khen thưởng đối ngoại:

a) Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự tham mưu về chủ trương khen thưởng cấp nhà nước và giúp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao lấy ý kiến của Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao trước khi phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng làm thủ tục đề nghị khen thưởng cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài;

b) Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp đề nghị hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho tập thể, cá nhân ngoài ngành Kiểm sát nhân dân gửi hồ sơ về Vụ Thi đua - Khen thưởng để thẩm định, trình xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ngành trước khi trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

Điều 42. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục, thời gian trình khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng làm báo cáo thành tích theo mẫu từ số 01 đến 06 ban hành kèm theo Thông tư này. Báo cáo thành tích của tập thể phải có xác nhận của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và cấp trình khen thưởng. Báo cáo thành tích của cá nhân phải có xác nhận của cấp quản lý trực tiếp và cấp trình khen thưởng.

Khi trình cấp có thẩm quyền đề nghị khen thưởng, đơn vị trình phải có tờ trình, biên bản họp hội đồng thi đua, khen thưởng theo mẫu số 07, 08 và 09 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời phải gửi kèm các file điện tử của hồ sơ đến cấp có thẩm quyền khen thưởng. Các đơn vị trong toàn Ngành gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đồng thời gửi file điện tử của hồ sơ (kể cả bản tóm tắt thành tích, bản trích tóm tắt nội dung đề án, đề tài, chuyên đề, sáng kiến...) về Vụ Thi đua - Khen thưởng theo địa chỉ email: vp_v16@vks.gov.vn, phông chữ TimeNewRoman, cỡ chữ 14.

2. Đối với những đơn vị sự nghiệp công lập, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân, Tập thể Lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể trực thuộc và cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

3.[13] Đối với cá nhân khi có thông báo nghỉ hưu, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị lập hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

---

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Đối với cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc từ trần), hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc từ trần) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định; nếu đơn vị mà cá nhân đó công tác đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của đơn vị đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng.

4.[14] Đối với Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân có trách nhiệm phối hợp với Báo Bảo vệ pháp luật hoặc Cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tạp chí Kiểm sát đăng tải và báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân trước khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân họp xét, đề nghị khen thưởng.

5. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp phải chịu trách nhiệm về thủ tục, nội dung hồ sơ trình khen thưởng, bao gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

6. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

Điều 43. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc"

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc" được lập thành 01 bộ gồm:

---

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua);

b) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp đề nghị khen thưởng hoặc biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có tư cách pháp nhân;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua có xác nhận của cấp trình khen thưởng.

2. Đơn vị cơ sở, đơn vị trực thuộc cơ sở lập hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 44. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" được lập thành 01 bộ gồm:

a) Tờ trình (kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở");

b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp đề nghị khen thưởng hoặc biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao không có tư cách pháp nhân;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" có xác nhận của cấp trình khen thưởng, trong đó phải nêu rõ nội dung sáng kiến đem lại hiệu quả cao hoặc đề tài khoa học, chuyên đề được áp dụng trong thực tiễn hoặc thành tích đột xuất đã được tặng Bằng khen, Giấy khen;

d) Bản sao văn bản công nhận sáng kiến của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc văn bản nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, đề án, chuyên đề hoặc bản sao hình thức khen thưởng đột xuất đã được tặng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân" được lập thành 01 bộ, "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" được lập thành 03 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách và trích ngang thành tích của cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc");

b) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc" có xác nhận của lãnh đạo cấp trình khen thưởng, trong đó phải nêu rõ nội dung, hiệu quả của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, chuyên đề được áp dụng trong thực tiễn kèm theo trích lục ý kiến xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, Hội đồng khoa học của Ngành; trường hợp sáng kiến, đề tài, chuyên đề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học;

d) Bản sao quyết định công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" (đối với cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân"); quyết định công nhận danh hiệu "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân" (đối với cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc") trước thời điểm đề nghị;

đ) Ý kiến của Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, ý kiến của Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc".

Điều 45. Hồ sơ đề nghị xét tặng Cờ thi đua

Hồ sơ đề nghị xét tặng "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân" được lập thành 01 bộ, hồ sơ đề nghị xét tặng "Cờ thi đua của Chính phủ" được lập thành 03 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen thưởng, trong đó nêu rõ kết quả bầu chọn của cụm, khối thi đua (nếu có).

Điều 46. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước và danh hiệu "Anh hùng Lao động"

1. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương các loại được lập thành 04 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị tặng thưởng);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng thưởng, có xác nhận của cấp trình;

d) Ý kiến của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương, ý kiến của Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc đề nghị tặng thưởng "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập" các hạng.

2. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng "Huân chương Hữu nghị" được lập thành 04 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách cá nhân đề nghị tặng thưởng);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng thưởng do cấp trình thực hiện.

3. Hồ sơ đề nghị tặng thưởng "Huy chương Hữu nghị" được lập thành 04 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách cá nhân đề nghị tặng thưởng);

b) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng thưởng do cấp trình thực hiện.

4. Hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu "Anh hùng Lao động" được lập thành 04 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (có ý kiến đề nghị của cấp ủy cùng cấp);

b) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị phong tặng có xác nhận của cấp trình; nếu đề nghị truy tặng thì đơn vị quản lý trực tiếp có trách nhiệm viết báo cáo thành tích;

Báo cáo thành tích của cá nhân phải có ý kiến nhận xét của chính quyền nơi cư trú về việc chấp hành đường lối, chính sách pháp luật của bản thân và gia đình tại địa phương;

d) Ý kiến của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương, ý kiến của Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc đề nghị phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động", "Nhà giáo nhân dân".

Điều 47. Hồ sơ đề nghị xét tặng "Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng "Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao" được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

2. Hồ sơ đề nghị tặng "Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao" đối với cá nhân đạt danh hiệu "Kiểm sát viên giỏi", "Kiểm sát viên tiêu biểu", "Điều tra viên giỏi", "Điều tra viên tiêu biểu" được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp đề nghị (kèm theo danh sách cá nhân được đề nghị khen thưởng);

b) Bản sao quyết định công nhận danh hiệu "Kiểm sát viên giỏi", "Kiểm sát viên tiêu biểu", "Điều tra viên giỏi", "Điều tra viên tiêu biểu".

3. Hồ sơ đề nghị tặng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" được lập thành 03 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị tặng thưởng);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp trình;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng thưởng, có xác nhận của cấp trình;

d) Ý kiến của Ban Thường vụ tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương, ý kiến của Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với cá nhân thuộc cấp ủy Đảng quản lý.

Điều 48. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản

1. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện đối với những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây:

a) Khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong Ngành;

b) Tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng);

b) Bản tóm tắt thành tích của đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Việc đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

4.[15] Căn cứ đề nghị của các đơn vị, Thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo Phó Chủ tịch Hội đồng cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc khen thưởng.

Điều 49. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Kiểm sát"

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Thông tư này được lập thành 01 bộ, gồm:

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 01/2020/TT-VKSTC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 01/2019/TT-VKSTC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

a) Tờ trình của cấp trình theo mẫu số 10 (kèm theo danh sách cá nhân đề nghị tặng thưởng lập theo mẫu số 11, 12 hoặc 13 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Bản tóm tắt quá trình công tác và thành tích của cá nhân được đề nghị tặng thưởng theo mẫu số 14 ban hành kèm theo Thông tư này cùng bản sao quyết định tuyển dụng.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Thông tư này được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Tờ trình của cấp trình (kèm theo danh sách cá nhân đề nghị tặng thưởng);

b) Bản tóm tắt công lao đóng góp cho sự phát triển của Ngành Kiểm sát nhân dân do đơn vị trình lập.

Điều 50. Quy định về thời hạn

1. Thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Ngành thực hiện theo hướng dẫn hằng năm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ Thi đua - Khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân trong thời hạn 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định trước khi trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

Đối với việc trình khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, trong thời hạn 20 ngày làm việc (hoặc 30 ngày làm việc đối với các hình thức khen thưởng: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Độc lập", "Huân chương Hồ Chí Minh", danh hiệu "Anh hùng Lao động", danh hiệu "Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú", danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc"), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có tờ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ trình khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng trung ương chậm nhất vào ngày 30/6 hằng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại).

3. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân quyết định về việc khen thưởng, Vụ Thi đua - Khen thưởng thông báo cho đơn vị trình biết về tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, Vụ Thi đua - Khen thưởng thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết.

Điều 51. Lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để phục vụ việc tra cứu, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng hoặc xác nhận cho các đối tượng hưởng chính sách khi có yêu cầu.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ của pháp luật và của Ngành.

Chương VI
QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 52. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 64, 65, 66 và 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng:

a) Hợp đồng sản xuất hiện vật khen thưởng;

b) Hợp đồng in, thêu, may Cờ thi đua các loại;

c) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho tập thể, cá nhân được khen thưởng;

d) Chi cho công tác tổ chức, phát động, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và

tổ chức thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng; tập huấn công tác thi đua, khen thưởng;

e) Chi cho các phiên họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

3. Hằng năm, căn cứ quy định của pháp luật và hướng dẫn của Cục Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị có trách nhiệm lập dự toán kinh phí phục vụ công tác thi đua, khen thưởng gửi Cục Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định việc phân bổ.

Điều 53. Tiền thưởng

1. Tập thể, cá nhân được khen thưởng được nhận kèm theo tiền thưởng với mức quy định tại các Điều 69, 70, 71, 73 và Điều 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Nguyên tắc thưởng tiền:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một tập thể hoặc một cá nhân nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

Ví dụ 1: Tập thể A được công nhận là "Tập thể Lao động xuất sắc" và được tặng "Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân" thì chỉ được nhận tiền thưởng do được tặng Cờ;

Ví dụ 2: Cá nhân B đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến", sau đó được công nhận là "Chiến sỹ thi đua cơ sở" thì chỉ được nhận tiền thưởng do được công nhận là "Chiến sỹ thi đua cơ sở";

b) Trong cùng một thời điểm, một cá nhân đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua đó;

Ví dụ 3: Cá nhân C được công nhận là "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân" do năm thứ ba liên tiếp được công nhận là "Chiến sỹ thi đua cơ sở" thì được nhận tiền thưởng của cả 02 danh hiệu trên;

c) Trong cùng một thời điểm, một tập thể hoặc một cá nhân vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng;

Ví dụ 4: Tập thể D được tặng Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do năm thứ hai liên tiếp được công nhận là "Tập thể lao động xuất sắc" thì được nhận tiền thưởng kèm theo Bằng khen và tiền thưởng do được công nhận là "Tập thể lao động xuất sắc";

Ví dụ 5: Cá nhân Đ được tặng Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do năm thứ hai liên tiếp được công nhận là "Chiến sỹ thi đua cơ sở" thì được nhận tiền thưởng kèm theo Bằng khen và tiền thưởng do được công nhận là "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

3. Cá nhân ngoài ngành Kiểm sát nhân dân được khen thưởng được nhận tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương ứng.

Điều 54. Chế độ ưu đãi

Cá nhân được tặng thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước; danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc", ngoài việc được khen thưởng theo quy định còn được ưu tiên xét nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định của Nhà nước, của Ngành; ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong nước hoặc nước ngoài.

Điều 55. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng phối hợp với cơ quan tài chính cấp đó quản lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị các cấp chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

3. Tập thể, cá nhân trong Ngành được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng được Viện kiểm sát nhân dân tối cao chi thưởng từ ngân sách nhà nước và hạch toán chi thành mục riêng.

Cá nhân trong Ngành được nhận danh hiệu "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú" được nhận tiền thưởng từ cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xét, phong tặng.

Chương VII
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; TƯỚC, PHỤC HỒI DANH HIỆU; XỬ LÝ VI PHẠM VÀ THANH TRA, KIỂM TRA

Điều 56. Quyền của tập thể, cá nhân trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, Ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương phát động; được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật; góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

2. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.

Tập thể được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và được sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

3. Tập thể, cá nhân được khen thưởng, ngoài tiền thưởng kèm theo còn được nhận hiện vật, giấy chứng nhận khen thưởng và được ghi vào sổ khen thưởng cùng cấp.

Điều 57. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của Ngành, của cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 58. Cấp phát, cấp đổi hiện vật và xác nhận khen thưởng

1. Hiện vật khen thưởng của Nhà nước và của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ cấp 01 lần cho tập thể, cá nhân được khen thưởng. Việc cấp phát, cấp đổi, xác nhận khen thưởng và thu hồi hiện vật khen thưởng phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời.

2. Vụ Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm nhận hiện vật khen thưởng sau khi có quyết định khen thưởng cấp nhà nước, quyết định khen thưởng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và thông báo cho đơn vị trình đến nhận.

3. Tập thể, cá nhân có nhu cầu cấp đổi hiện vật khen thưởng, xác nhận hình thức khen thưởng làm đơn đề nghị gửi Vụ Thi đua - Khen thưởng để xem xét, thẩm định, đề nghị cấp có thẩm quyền cấp đổi hiện vật khen thưởng hoặc xác nhận hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 59. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về các hành vi sau đây:

a) Nhận xét sai sự thật về thành tích và khuyết điểm của mình khi trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;

b) Thực hiện không đúng thủ tục trình cấp có thẩm quyền khen thưởng cho mình.

2. Cá nhân có quyền tố cáo về:

a) Các hành vi bị nghiêm cấm trong thi đua, khen thưởng;

b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;

c) Hành vi trù dập của người có thẩm quyền xét, đề nghị khen thưởng.

3. Đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới và Viện kiểm sát quân sự các cấp có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích hoặc có vi phạm, khuyết điểm trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng thì tùy mức độ sai phạm, khuyết điểm, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hạ mức khen thưởng hoặc hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định khen thưởng gồm:

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Sau khi có quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; đối với quyết định khen thưởng cấp Nhà nước, Vụ Thi đua - Khen thưởng thu hồi và giao nộp hiện vật khen thưởng về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương theo quy định; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 61. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu

1. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị Tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án từ hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao làm thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Chủ tịch nước, Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương theo quy định; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

4. Cá nhân bị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều này đã được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì được xem xét, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước. Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm

giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao làm thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định phục hồi danh hiệu vinh dự nhà nước.

5. Hồ sơ đề nghị tước, phục hồi danh hiệu vinh dự nhà nước gồm:

a) Tờ trình của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Báo cáo tóm tắt, nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 62. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng, ngoài việc bị hủy bỏ quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ, quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý trách nhiệm; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 63. Thanh tra, kiểm tra

1. Đơn vị làm công tác thi đua, khen thưởng thuộc Viện kiểm sát các cấp có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra cùng cấp thanh tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

2. Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự cấp trên có trách nhiệm định kỳ kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của Viện kiểm sát cấp dưới.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 64. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Viện kiểm sát quân sự trung ương tổ chức thực hiện những nội dung liên quan trong hệ thống Viện kiểm sát quân sự các cấp.

2. Văn phòng, Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng, cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho việc xét khen thưởng.

3. Cục Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chế độ trích lập, quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân.

4. Vụ Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân các cấp phản ánh về Vụ Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp, báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định sửa đổi, bổ sung.

Điều 65. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Quy chế thi đua, khen thưởng ngành Kiểm sát nhân dân ban hành theo Quyết định số 307/QĐ-VKSTC ngày 03 tháng 7 năm 2008 và Quy chế xét, tặng Kỷ niệm chương "Bảo vệ pháp chế" ban hành theo Quyết định số 306/QĐ-VKSTC ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực./.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 01/VBHN-VKSTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2021

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Hải Trâm

Mẫu số 01[1]

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN** **(HOẶC ĐỀ NGHỊ KHEN)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN (TẶNG).....[2]
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với tập thể)
Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:
- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể[3].

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước[4].

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước[5].

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể[6].

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG[7]

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. ĐỀ NGHỊ[8]

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA VKSND TỐI CAO[9]
(Ký, đóng dấu)

---

[1] *Báo cáo thành tích 25 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng, 10 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh, 10 năm đối với Huân chương Độc lập, 05 năm đối với Huân chương Lao động; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua cấp Bộ, ngành và Giấy khen; 01 năm đối với Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen cấp Bộ, ngành.*

[2] *Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.*

[3] *Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cần nêu tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...).*

[4] *Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 03 năm, 05 năm trước thời điểm đề nghị), ví dụ:*
- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động; việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước...
- Đối với nhà trường: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi; số giáo viên giỏi; số đề tài nghiên cứu...

[5] *Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện...*

[6] *Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể (kèm theo giấy chứng nhận hoặc quyết định công nhận).*

[7] *Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).*

[8] *Tặng thưởng Huân chương (các loại), Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua củangành Kiểm sát nhân dân, Tập thể lao động xuất sắc, lao động tiên tiến. Riêng đối với tập thể đề nghị tặng Cờ thi đua của ngành Kiểm sát nhân dân thì đề nghị công nhận tập thể lao động xuất sắc luôn, không phải xây dựng báo cáo đề nghị riêng.*

[9] *Chỉ áp dụng đối với việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ)./.*

Mẫu số 02[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG.....[2]
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):.....
- Sinh ngày, tháng, năm:..... Giới tính:.....
- Quê quán[3]:.....
- Trú quán:.....
- Đơn vị công tác:.....
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):.....
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:.....
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:.....

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:.....
2. Thành tích đạt được của cá nhân[4]:.....

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG[5]

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. ĐỀ NGHỊ[6]

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA VKSND TỐI CAO[7]

(Ký, đóng dấu)

---

[1] *Báo cáo thành tích 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động; 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 06 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc; 03 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành; 02 năm đối với Bằng khen cấp bộ, ngành; 01 năm đối với Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giấy khen.*

[2] *Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.*

[3] *Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương).*

[4] *Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, nêu rõ những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện...).*

- Đối với cán bộ làm công tác quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị; riêng thủ trưởng đơn vị hành chính sự nghiệp công lập lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng doanh thu, lợi nhuận, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với báo cáo đề nghị tặng thưởng Huân chương lao động các hạng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân và Chiến sỹ thi đua cơ sở phải nêu số lượng sáng kiến, ghi rõ nội dung, các kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có ý kiến xác nhận của Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) hoặc phải có giấy chứng nhận của Hội đồng kèm theo hồ sơ theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng.

[5] *Nêu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ngành tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).*

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ...

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc": Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành" và 06 lần đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" trước thời điểm đề nghị.

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân" ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở" trước thời điểm đề nghị.

[6] *Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Giấy khen*

[7] *Chỉ áp dụng đối với việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc)./.*

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG) HUÂN CHƯƠNG...[1]
(Theo tiêu chuẩn cống hiến)

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ và tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt): .....
Bí danh[2]:..... Nam, nữ:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:.....
- Quê quán[3]:.....
- Nơi thường trú:.....
- Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu, từ trần):.....
- Chức vụ đề nghị khen thưởng (Ghi chức vụ cao nhất đã đảm nhận):.....
- Ngày, tháng, năm tham gia công tác:.....
- Ngày, tháng, năm vào Đảng chính thức (hoặc ngày tham gia các đoàn thể):.....
.....
- Năm nghỉ hưu (hoặc từ trần): .....

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng và đánh giá tóm tắt thành tích quá trình công tác[4].

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức vụ (đảng, chính quyền, đoàn thể)	Đơn vị công tác	Số năm, tháng giữ chức vụ

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG[5]

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. KỶ LUẬT[6]

V. ĐỀ NGHỊ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
QUẢN LÝ CÁN BỘ XÁC NHẬN[7]
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO[8]
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA VKSND TỐI CAO
(Ký, đóng dấu)

---

[1] *Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.*
[2] *Trường hợp có nhiều bí danh thì chỉ ghi bí danh thường dùng.*
[3] *Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) theo địa danh mới.*
[4] *Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng. Đối với trường hợp đã nghỉ hưu (hoặc từ trần) chưa được khen thưởng thì báo cáo quá trình công tác đến khi nghỉ hưu (hoặc từ trần).*
[5] *Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).*
[6] *Ghi rõ hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên từ khi công tác đến khi đề nghị khen thưởng (nếu có).*
[7] *Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, trước khi xác nhận cần xem xét việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú.*
Đối với cán bộ thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý do Ban tổ chức tỉnh ủy hoặc thành ủy xác nhận.
[8] *Đối với cán bộ đã từ trần: Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc từ trần) thì cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu hoặc từ trần có trách nhiệm báo cáo, kê khai quá trình công tác (ghi rõ họ, tên,.. chức vụ người tóm tắt quá trình công tác)./.*

Mẫu số 04[1]

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG
Tên tập thể đề nghị
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:
- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ[2].

2. Chức năng nhiệm vụ được giao: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...)[3].

2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu[4].

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước[5].

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể[6].

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG[7]

1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

IV. ĐỀ NGHỊ

XÁC NHẬN CỦA VKSND TỐI CAO	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

---

[1] *Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ báo cáo thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất hoặc thành tích đặc biệt khác).*

[2] *Đối với đơn vị sự nghiệp công lập nêu rõ tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng...).*

[3] *Nêu rõ nội dung thành tích đạt được đối với Anh hùng Lao độngtheo quy định tại Điều 61 của Luật thi đua, khen thưởng. Thống kê việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước);*

Ví dụ:

- Các tiêu chí cơ bản đối với nhà trường: Tổng số học sinh, chất lượng và kết quả học tập; có bảng thống kê để so sánh về hạnh kiểm, số học sinh giỏi các khóa đào tạo; số giáo viên giỏi; số đề tài, sáng kiến cải tiến công tác giảng dạy...

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Có bảng thống kê so sánh về tổng doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân, số sáng kiến cải tiến, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế; phúc lợi xã hội; việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

[4] *Nêu các biện pháp để đạt thành tích dẫn đầu trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học... mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với bộ, ngành, địa phương được cấp có thẩm quyền công nhận.*

[5] *Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phòng chống cháy, nổ; các hoạt động xã hội, từ thiện...*

[6] *Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể.*

[7] *Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định)./.*

Mẫu số 05

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN** **(HOẶC ĐỀ NGHỊ KHEN)**[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....[2]
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác)

Tên tập thể đề nghị khen thưởng[3]
(Ghi đầy đủ không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với tập thể ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất của tập thể (hoặc cá nhân) đã đạt được (trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; trong phối hợp đấu tranh phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của Nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân...).

III. ĐỀ NGHỊ

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG[4] *(Ký, đóng dấu)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**[5] **(HOẶC NGƯỜI BÁO CÁO)** *(Ký, đóng dấu)*

XÁC NHẬN CỦA VKSND TỐI CAO[6]
(Ký, đóng dấu)

---

[1] *Chỉ áp dụng đối với báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng tập thể; đối với cá nhân không ghi mục này;*

[2] *Ghi hình thức đề nghị khen thưởng (Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị).*

[3] *Như footnote 1.*

[4] *Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan trình khen thưởng;*

[5] *Nếu là cá nhân: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp;*

[6] *Chỉ áp dụng đối với việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ)./.*

Mẫu số 06

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN** **(HOẶC ĐỀ NGHỊ KHEN)**[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG.....[2]
Tên tập thể đề nghị khen thưởng[3]
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua...[4].

III. ĐỀ NGHỊ[5]

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG[6] *(Ký, đóng dấu)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**[7] **(HOẶC NGƯỜI BÁO CÁO)** *(Ký, đóng dấu)*

XÁC NHẬN CỦA VKSND TỐI CAO[8]
(Ký, đóng dấu)

---

[1] *Chỉ ghi đối với báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng tập thể; đối với cá nhân không ghi mục này.*
[2] *Ghi hình thức đề nghị khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề. Chỉ áp dụng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; trường hợp xuất sắc, tiêu biểu mới đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; trường hợp đặc biệt xuất sắc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.*
[3] *Như footnote 1.*
[4] *Nếu là tập thể hoặc thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập phải nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.*
[5] *Tặng Bằng khen của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (do có thành tích xuất sắc, tiêu biểu), Huân chương (do có thành tích đặc biệt xuất sắc)...*
[6] *Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan trình khen thưởng.*
[7] *Nếu là cá nhân: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp.*
[8] *Chỉ áp dụng đối với việc đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ)./.*

Mẫu số 07[1]

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN** **(HOẶC ĐỀ NGHỊ KHEN)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-VKSND	*....., ngày..... tháng..... năm...*

TỜ TRÌNH
ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG (HOẶC CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA)[2]

Kính gửi: - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành KSND.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng... năm..... của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Ngày... tháng... năm..., Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố, Cục, Vụ, Viện, Trường) đã họp, xét đề nghị khen thưởng (hoặc công nhận danh hiệu thi đua) đối với tập thể, cá nhân của đơn vị có những thành tích xuất sắc trong công tác (từ năm... đến năm...).

Kính trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xét, khen thưởng (hoặc công nhận danh hiệu thi đua) cho các tập thể và cá nhân như sau:

1. Danh sách tập thể đề nghị khen thưởng (hoặc công nhận danh hiệu thi đua)

Tên đơn vị được đề nghị khen thưởng[3]

.....

2. Danh sách cá nhân đề nghị khen thưởng (hoặc công nhận danh hiệu thi đua)

Tên và chức vụ của cá nhân được đề nghị khen thưởng[4]

.....

Kèm theo tờ trình; Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị thuộc VKSND tối cao; VKSND cấp cao; VKSND tỉnh; báo cáo thành tích và báo cáo tóm tắt thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] *Tờ trình này áp dụng cho các địa phương, đơn vị trong Ngành đề nghị khen thưởng (hoặc công nhận danh hiệu thi đua) thuộc thẩm quyền quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.*

[2] *Ghi rõ hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.*

[3] *Không được viết tắt tên tập thể; ghi rõ hình thức, danh hiệu và mức đề nghị khen thưởng.*

[4] *Không được viết tắt tên cá nhân, chức danh, chức vụ; ghi rõ hình thức, danh hiệu và mức đề nghị khen thưởng.*

Lưu ý: *Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (hoặc công nhận danh hiệu thi đua) được sắp xếp theo trình tự: hình thức khen thưởng cao trước, thấp sau./.*

Mẫu số 08[1]

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN** **(HOẶC ĐỀ NGHỊ KHEN)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-VKSND	*....., ngày..... tháng..... năm...*

TỜ TRÌNH

ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG (HOẶC PHONG TẶNG) CẤP NHÀ NƯỚC[2]

Kính gửi: - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành KSND.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số... ngày... tháng... năm..... của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Ngày... tháng... năm..., Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố, Cục, Vụ, Viện, Trường) đã họp, xét đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước đối với tập thể, cá nhân của đơn vị có những thành tích xuất sắc trong công tác (từ năm... đến năm...).

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố, Cục, Vụ, Viện, Trường) kính trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng (hoặc phong tặng danh hiệu) cho các tập thể và cá nhân như sau:

1. Danh sách tập thể đề nghị khen thưởng

Tên đơn vị được đề nghị khen thưởng[3]

.....

2. Danh sách cá nhân đề nghị khen thưởng (hoặc phong tặng danh hiệu thi đua)

Tên và chức vụ của cá nhân được đề nghị khen thưởng[4]

.....

Kèm theo tờ trình; Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị thuộc VKSND tối cao; VKSND cấp cao; VKSND tỉnh; báo cáo thành tích và báo cáo tóm tắt thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] *Tờ trình này áp dụng cho các địa phương, đơn vị trong Ngành khi đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước: Huân chương các loại; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Chính phủ; Chiến sỹ thi đua toàn quốc.*

[2] *Ghi rõ hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua nêu trên.*

[3] *Không được viết tắt tên tập thể; ghi rõ hình thức, danh hiệu và mức đề nghị khen thưởng.*

[4] *Không được viết tắt tên cá nhân, chức danh, chức vụ; ghi rõ hình thức, danh hiệu và mức đề nghị khen thưởng.*

Lưu ý: *Danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (hoặc công nhận danh hiệu thi đua) được sắp xếp theo trình tự: hình thức khen thưởng cao trước, thấp sau.*

Mẫu số 09[1]

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
Về việc xét, đề nghị khen thưởng

Ngày... tháng... năm..., Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố, Cục, Vụ, Viện, Trường) đã họp, dưới sự chủ trì của đồng chí ..... (ghi rõ họ tên, chức vụ người chủ trì).

Thành phần dự họp gồm: (ghi rõ họ tên, chức vụ từng người):

1. .....

2. .....

Nội dung họp (ghi ngắn gọn nhất)

.....

Sau khi nghe Thường trực Hội đồng báo cáo thành tích đạt được của các tập thể và cá nhân trong đơn vị, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố, Cục, Vụ, Viện, Trường) đã thảo luận và tiến hành bỏ phiếu. Kết quả: có.../... phiếu (bằng... %) nhất trí đề nghị Viện trưởng VKSND tối cao xét, khen thưởng (hoặc xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng) cho các tập thể, cá nhân sau đây:

Loại hình khen thưởng[2].....

Tên tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng[3].....

Cuộc họp kết thúc vào hồi... giờ... cùng ngày./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

[1] *Mẫu này áp dụng cho tất cả các cuộc họp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Ngành.*

[2] *Ghi rõ loại hình đề nghị khen thưởng như: Huân chương các loại; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Cờ thi đua của Chính phủ, của Ngành; phong tặng, công nhận các danh hiệu thi đua và sắp xếp theo trình tự: mức khen cao trước, thấp sau và tập thể trước, cá nhân sau.*

[3] *Không được viết tắt tên tập thể, cá nhân, chức danh, chức vụ cá nhân được đề nghị khen thưởng. Nếu số lượng tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng nhiều thì lập danh sách kèm theo biên bản./.*

Mẫu số 10

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH TẶNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../TTr-VKSND	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ TRÌNH
VỀ VIỆC XÉT, TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "....."

Kính gửi:
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành KSND.

Căn cứ Thông tư số /2019/TT-VKSTC ngày..... tháng..... năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân;

Căn cứ kết quả họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởngngày... tháng... năm... của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, (thành phố, Cục, Vụ, Viện, Trường) về việc xét, tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (thành phố, Cục, Vụ, Viện, Trường) đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xét, tặng Kỷ niệm chương "....." năm... cho... cá nhân (ghi rõ tổng số cá nhân), trong đó:

1. Đối tượng là cá nhân trong Ngành

a) Đang công tác:... người;

b) Đã nghỉ công tác:... người.

2. Đối tượng là cá nhân ngoài Ngành:... người.

3. Đối tượng là người nước ngoài (nếu có):... người.

Kèm theo Tờ trình là danh sách và báo cáo thành tích củacá nhân đề nghị xét, tặng Kỷ niệm chương./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ TRÌNH TẶNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "....."

(Kèm theo Tờ trình số... ngày... tháng... năm..... của.....)
(Đối với các cá nhân đang công tác trong ngành KSND)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Ngày tháng năm vào Ngành	Số năm công tác trong Ngành		Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ		Tổng số	Số năm giữ chức vụ quản lý		
1								
2								
...								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ TRÌNH TẶNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "....."

(Kèm theo Tờ trình số... ngày... tháng... năm... của...)
(Đối với cá nhân ngoài Ngành)

Số TT	Họ và tên	Nam/Nữ	Chức vụ và nơi công tác	Tóm tắt thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của ngành KSND
1				
2				
....				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 13

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH TẶNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "....."

(Kèm theo Tờ trình số... ngày..... tháng.... năm..... của.....)
(Đối với cá nhân là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài)

Số TT	Họ và tên	Nam/Nữ	Quốc tịch	Tóm tắt thành tích đã đóng góp cho sự phát triển của ngành KSND
1				
2				
.....				

NGƯỜI LẬP BIỂU *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 14

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN **ĐƠN VỊ TRÌNH KHEN** **(HOẶC ĐỀ NGHỊ KHEN)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "....."

- Họ và tên: Nam, nữ:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay:

I. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian (Từ tháng... năm... đến tháng... năm....)	**Chức vụ, đơn vị công tác**	**Tổng số năm công tác trong ngành**	**Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được ưu tiên**[1]

II. KỶ LUẬT[2]**:**

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC NHẬN *(Ký tên, đóng dấu)*	**NGƯỜI KHAI** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

---

[1] *Chỉ kê khai các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Anh hùng lao động, Huân chương lao động các hạng, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua ngành Kiểm sát nhân dân, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.*

[2] *Chỉ ghi hình thức kỷ luật từ "Khiển trách" trở lên./.*